

Bản án số:05/2022/HS-ST
Ngày 24 - 01 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoi – Cán bộ hưu trí

Bà Vũ Thị Lệ - Phó Bí thư huyện đoàn huyện P

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải -Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2022/TLST-HS, ngày 06 tháng 01 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên **VŨ VĂN T**, sinh ngày 06/9/2003

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm N4, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Văn G, sinh năm 1977 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; Vợ, con: Chưa có; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại: Cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 06/10/2005

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985.

Nơi thường trú: Xóm N4, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Cháu T, chị T đều có mặt tại phiên tòa)

- Người làm chứng:

Anh Đồng Quốc C, sinh năm 1976

Nơi thường trú: Thôn C, xã L, huyện T, tỉnh B.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 16/9/2021, VŨ VĂN T đi bộ một mình sang khu vực nhà chị Nguyễn Thị T sinh năm: 1985, trú tại: Xóm N4, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (cùng xóm với T) để tìm tài sản trộm cắp. T đi đến phía sau nhà chị T tháo hàng rào sắt B40 vào vườn rau và đi đến cửa vườn rau để đứng lên cửa trèo tường vào nhà chị T (T bám vào các khe của tường có sẵn các điểm gờ để T bám tay và để chân rồi trèo lên sân phơi tầng 2). Thấy cửa ngách ở trên tầng 2 không khóa, T mở cửa đi vào trong nhà do trời tối nên T dùng tay sờ vào tường đi men theo cầu thang xuống tầng 1, rồi đến phòng ngủ của cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 2005 (là con bà Thắng). T thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, màu vàng của cháu Thư đang cắm sạc để dưới nền nhà, T lấy điện thoại cất vào túi quần bên trái đang mặc rồi men theo cầu thang lên tầng 2 đi theo đường lúc vào để về nhà. Đến khoảng 11h cùng ngày, T tháo sim ra rồi mang điện thoại trộm cắp được đi bán cho anh Đồng Quốc C, sinh năm: 1976 chủ cửa hàng mua bán điện thoại Tuấn Cường thuộc Thôn C, xã L, huyện T, tỉnh B với giá 350.000đ. Khi ngủ dậy cháu Thư phát hiện bị mất điện thoại nên mượn điện thoại để đăng nhập vào tài khoản Icloud đã cài trên điện thoại bị mất thì thấy vị trí cuối cùng bị tắt nguồn là tại khu vực nhà VŨ VĂN T. Cháu Thư sang hỏi T về chiếc điện thoại bị mất, T không nhận đã lấy trộm điện thoại. Cháu Thư về làm đơn trình báo đến Công an xã D, huyện P đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Thấy cháu Thư nghi ngờ mình trộm cắp điện thoại, khoảng 21h cùng ngày T đến cửa hàng bán điện thoại để mua lại điện thoại trên.

Ngày 17/9/2021, Công an xã D, huyện P mời VŨ VĂN T đến làm việc, T khai nhận hành vi trộm cắp như nêu trên và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, màu vàng của cháu Thư; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng của T. Cùng ngày Công an xã D, huyện P chuyển hồ sơ đến Cơ quan CSĐT Công an huyện giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 27/9/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã ra Yêu cầu định giá tài sản số 95/ĐTTH, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P định giá 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, màu vàng do VŨ VĂN T trộm cắp của cháu Nguyễn Thị Minh T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 84/KL-HĐĐGTS ngày 07/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P, kết luận giá trị 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, màu vàng giá trị là 3.150.000đ (*Ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Vật chứng của vụ án: Ngày 15/12/2021, cơ quan CSĐT Công an huyện P trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, màu vàng cho cháu Nguyễn Thị Minh T là chủ sở hữu quản lý và sử dụng và tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, máy cũ đã qua sử dụng của VŨ VĂN T.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và 3.800.000 đồng tiền bồi thường. Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa bị cáo VŨ VĂN T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS-PB ngày 05/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố VŨ VĂN T về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã giữ quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo VŨ VĂN T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt VŨ VĂN T từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo: 01 (một) bì thư niêm phong còn nguyên vẹn dán kín có dấu đỏ ký hiệu A1 ngoài bì thư có ghi 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng máy cũ đã qua sử dụng vụ VŨ VĂN T.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không có tranh luận gì.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Vào khoảng 04 giờ 00 phút ngày 16/9/2021 tại nhà chị Nguyễn Thị T sinh năm: 1985, trú tại: Xóm N4, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, VŨ VĂN T có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, màu vàng trị giá 3.150.000đ (*Ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) của cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 2005 (là con chị Thắng). Sau khi lấy trộm được điện thoại T tháo vớt sim đi rồi mang điện thoại trộm cắp được đi bán cho anh Đồng Quốc C chủ cửa hàng mua bán điện thoại Tuấn Cường thuộc Thôn C, xã L, huyện T, tỉnh B với giá 350.000đ. Sau khi phát hiện bị mất trộm điện thoại, cháu Nguyễn Thị Minh T nghi ngờ cho T lấy điện thoại của mình nên làm đơn trình báo đến cơ quan Công an. Ngày 17/9/2021, Công an xã D, huyện P mời VŨ VĂN T đến làm việc, T đã thừa nhận hành vi trộm cắp và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, màu vàng của cháu Thư cho Công an xã D. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, việc bị cáo có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của cháu Thư là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus trị giá 3.150.000đ (*Ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản". Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo VŨ VĂN T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bức xúc cho nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương còn là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác. Hành vi đó cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường để khắc phục hậu quả đối với bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào được quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và được chính quyền địa phương bảo lãnh xin cho cải tạo địa phương. Thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo vừa mới bước qua tuổi vị thành niên nên khả năng nhận thức có phần nào còn bị hạn chế. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng biện pháp cải tạo cách ly đối với bị cáo mà có thể áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo VŨ VĂN T được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách là cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung và thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nhà nước ta. Đồng thời cần tuyên rõ hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Từ những căn cứ nêu trên, khi lượng hình Hội đồng xét xử có thể cân nhắc xem xét một mức án tương ứng phù hợp với nhân thân, tính chất mức độ tội phạm do bị cáo gây ra.

[5]. Ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo VŨ VĂN T, buộc bị cáo không được phép đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 24 tháng 01 năm 2022 cho đến khi bị cáo chấp hành án. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để quản lý, theo dõi.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Trong quá trình điều tra bị cáo VŨ VĂN T và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho bị hại với số tiền là 3.800.000đ. Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 46, 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS năm 2015.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo: 01 (một) bì thư niêm phong còn nguyên vẹn dán kín có dấu đỏ ký hiệu A1 ngoài bì thư có ghi 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng máy cũ đã qua sử dụng vụ VŨ VĂN T.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/01/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

[8] Đối với Đồng Quốc C khi mua điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, màu vàng do T nói với Cường là điện thoại của T, không biết điện thoại này là do T phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý đối với Cường.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và những vấn đề khác của vụ án là phù hợp với quy định của Pháp luật cần chấp nhận.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo VŨ VĂN T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: VŨ VĂN T **09** (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **18** (Muoi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo VŨ VĂN T cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (là bị cáo VŨ VĂN T) nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ **02** lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo VŨ VĂN T buộc bị cáo không được phép đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 24 tháng 01 năm 2022 cho đến khi bị cáo đi chấp hành án. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để quản lý, theo dõi.

4. Xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo: 01 (một) bì thư niêm phong còn nguyên vẹn dán kín có dấu đỏ ký hiệu A1 ngoài bì thư có ghi 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng máy cũ đã qua sử dụng vụ VŨ VĂN T.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo VŨ VĂN T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

6. Thông báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, báo cho những người này biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CCTHA-DS huyện P;
- Bị cáo, bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Thị Thủy

